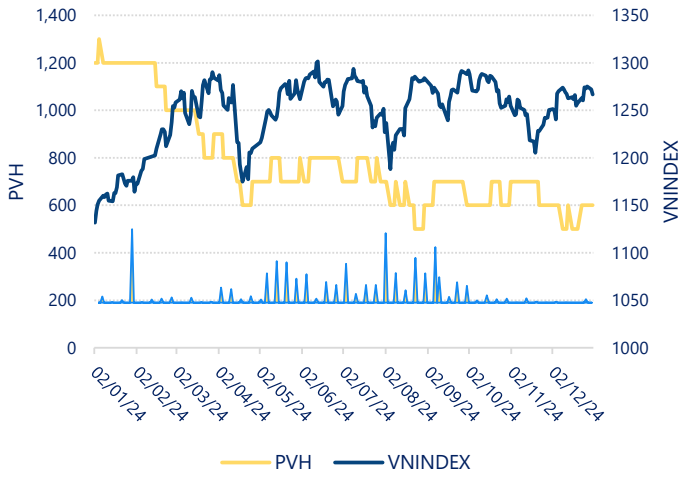
CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (UPCOM: PVH)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

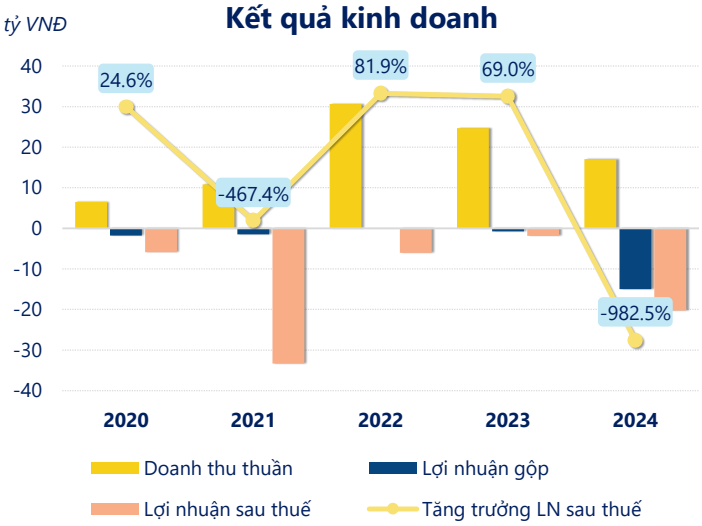
Ngày 31/12/2024	600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	-

Lịch sử giá



	2024	YoY
DT thuần	17.1 tỷ VNĐ	▼ 7.60 ▼ 30.7%
LN gộp	-15.0 tỷ VNĐ	▼ 14.3 ▼ 1931%
LN thuần	-20.1 tỷ VNĐ	▼ 13.8 ▼ 218%
LN sau thuế	-20.2 tỷ VNĐ	▼ 18.3 ▼ 983%

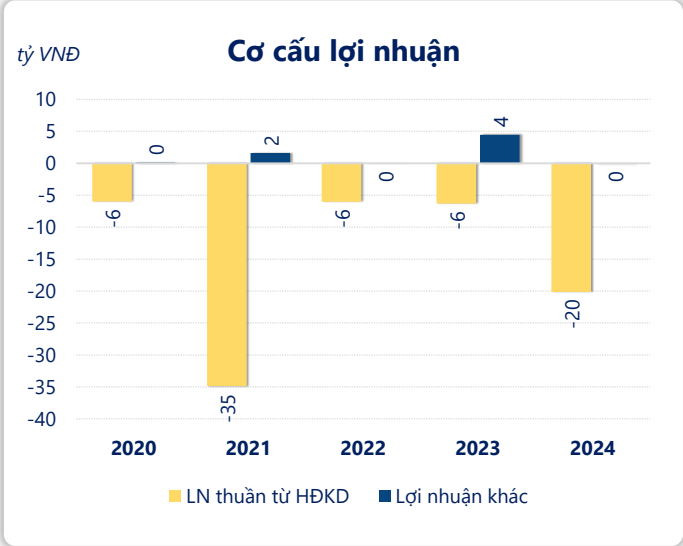
Kết quả kinh doanh

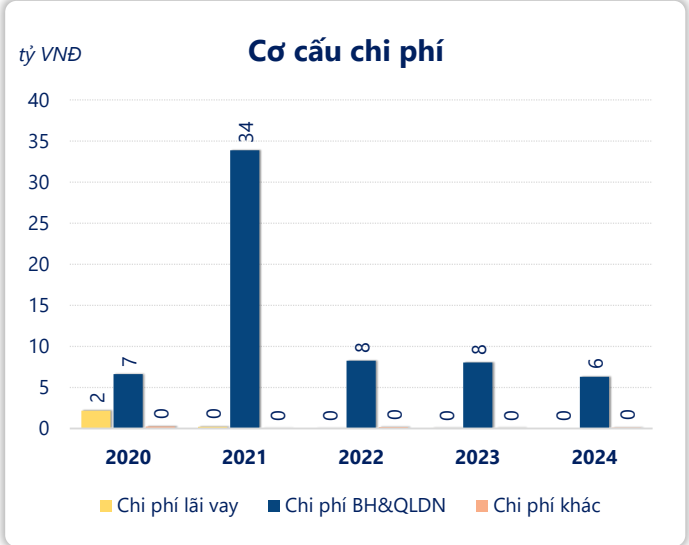


	2024	+/- YoY
ROE	-30.6%	▼ 28.2%
ROA	-3.5%	▼ 3.2%

Năm **2024**, **PVH** ghi nhận doanh thu thuần **17.10** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-20.24** tỷ đồng, lần lượt **giảm 30.7%** và **giảm 983%** so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -30.6% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

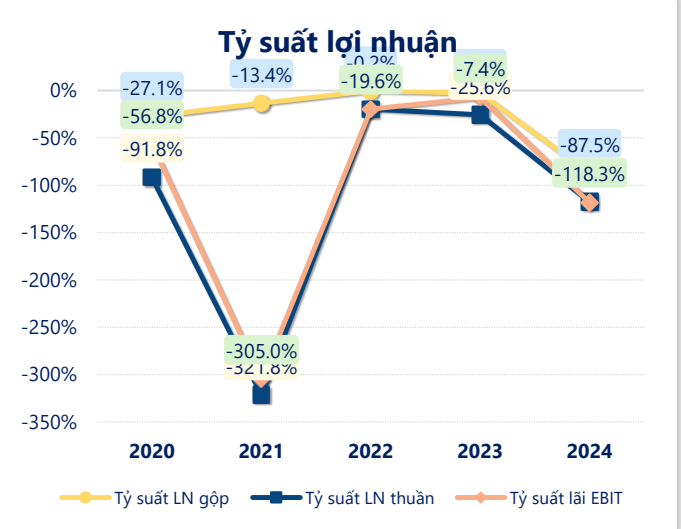


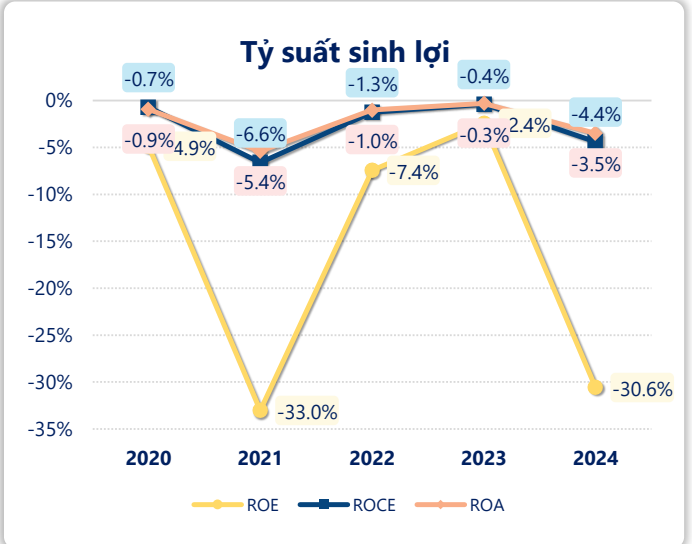


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **PVH** năm **2024 giảm đi 13.82** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 20.14 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2021** là 34.88 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

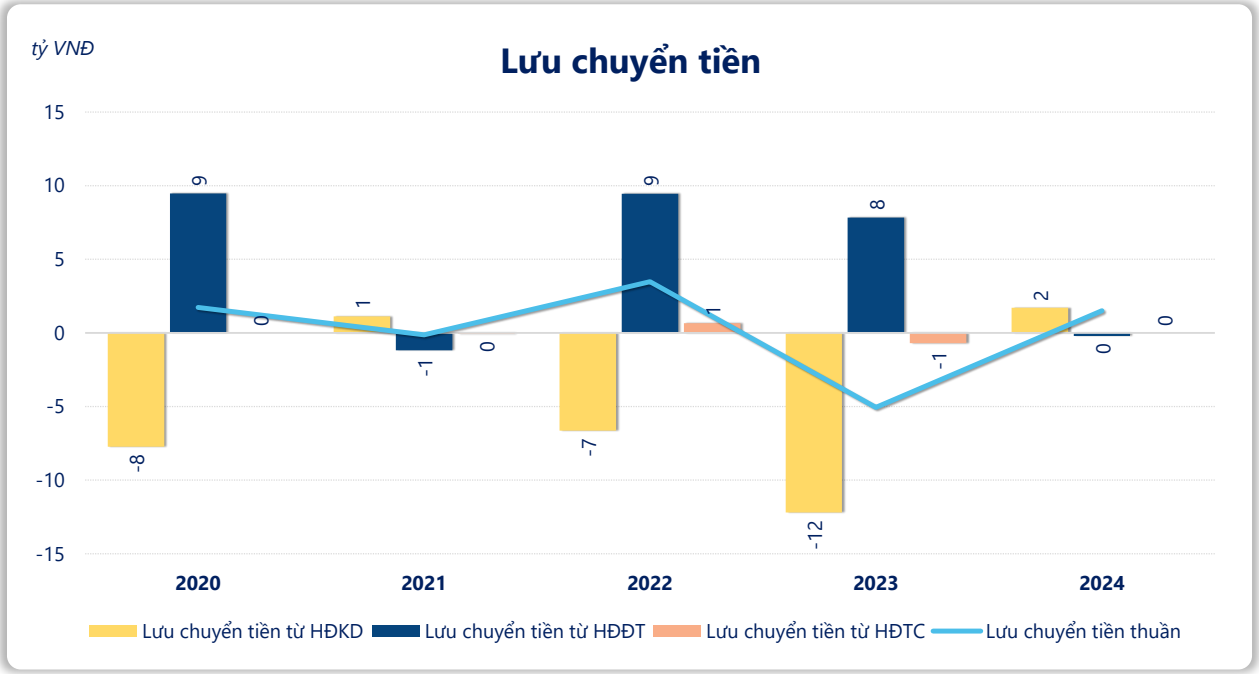
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **6.29** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.11** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của PVH năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-30.6%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**6.52**	**10.8**	**30.6**	**24.7**	**17.1**
Giá vốn hàng bán	8.29	12.3	30.7	25.4	32.1
Lợi nhuận gộp	**-1.77**	**-1.45**	**-0.07**	**-0.74**	**-15.0**
Doanh thu HĐTC	4.56	2.60	2.34	2.49	1.11
Chi phí TC	2.16	2.16	0.03	0.05	0
Chi phí lãi vay	**2.16**	**0.22**	**0.03**	**0.05**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.62	33.9	8.26	8.02	6.29
LN thuần từ HĐKD	**-5.99**	**-34.9**	**-6.02**	**-6.32**	**-20.1**
Lợi nhuận khác	0.12	1.60	-0.02	4.45	-0.10
LN trước thuế	**-5.87**	**-33.3**	**-6.04**	**-1.87**	**-20.2**
Lợi nhuận sau thuế	**-5.87**	**-33.3**	**-6.04**	**-1.87**	**-20.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**-5.87**	**-33.3**	**-6.04**	**-1.87**	**-20.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của PVH bằng **1.50** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-5.06 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.71** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.20** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.